

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số: 56/2013/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Kon Tum , ngày 31 tháng 12 năm 2013*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật  
trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

## **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định về việc kiểm tra (bao gồm tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền) văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp huyện, cấp xã và Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp ban hành.

b) Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền tại địa phương ban hành theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

c) Quy chế này không áp dụng đối với việc kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc kiểm tra và xử lý văn bản quy định tại Khoản 1 Điều này.

### **Điều 2. Nguyên tắc kiểm tra, xử lý văn bản**

Nguyên tắc kiểm tra, xử lý văn bản trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thực hiện theo quy định của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp và Quy chế này.

### **Điều 3. Nội dung kiểm tra văn bản**

Nội dung kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định của Nghị định số 40/2010/NĐ của Chính phủ và Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

#### **Điều 4. Nguồn văn bản được cung cấp để tiến hành kiểm tra**

1. Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND cấp huyện, cấp xã, UBND các cấp gửi đến cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định. Bản cung cấp phải là bản chính (bản có đóng dấu đỏ).

2. Đối với văn bản thuộc trường hợp quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 1 Quy chế này khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc do cán bộ, công chức cơ quan kiểm tra văn bản tự phát hiện trong quá trình kiểm tra văn bản thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản yêu cầu cơ quan, người ban hành văn bản đó cung cấp bản chính để tiến hành kiểm tra.

Các cơ quan nhà nước (không phải là cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản được quy định tại Điều 5 Quy chế này) trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu nhận được yêu cầu, kiến nghị liên quan đến văn bản nêu trên có trách nhiệm chuyển yêu cầu, kiến nghị đó đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản theo quy định để tiến hành kiểm tra. Trường hợp văn bản bị kiến nghị do Giám đốc Sở Tư pháp hoặc Trưởng phòng Tư pháp ban hành thì kiến nghị được gửi đến Chánh Văn phòng UBND tỉnh hoặc Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, thành phố.

3. Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra theo chuyên đề hoặc theo địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực thì nguồn văn bản được cung cấp để tiến hành kiểm tra được xác định trong quyết định thành lập đoàn kiểm tra.

#### **Điều 5. Thẩm quyền kiểm tra văn bản**

1. Trách nhiệm tự kiểm tra

a) HĐND cấp huyện, cấp xã và UBND các cấp tự kiểm tra văn bản QPPL do cơ quan mình ban hành ngay sau khi văn bản được ban hành, khi nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản hoặc yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Đối với văn bản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Quy chế này, trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra do Chủ tịch HĐND cấp huyện, cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã nơi đã ban hành văn bản đó thực hiện.

c) Giám đốc Sở Tư pháp là đầu mối giúp UBND, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra văn bản. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tự kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình.

Trưởng Ban Pháp chế HĐND cấp huyện có trách nhiệm giúp HĐND, Chủ tịch HĐND cùng cấp tự kiểm tra văn bản QPPL do HĐND ban hành. Trưởng Phòng Tư pháp là đầu mối giúp UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện việc tự kiểm tra văn bản.

Thường trực HĐND cấp xã có trách nhiệm giúp HĐND, Chủ tịch HĐND tự kiểm tra văn bản do HĐND ban hành. Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã là đầu mối giúp UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện việc tự kiểm tra văn bản.

2. Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

a) Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm tra văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành.

Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành.

b) Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện việc kiểm tra văn bản nêu tại Điều a Khoản này.

**Điều 6. Quan hệ phối hợp trong kiểm tra, tự tra văn bản.**

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, các cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm phối hợp trong việc tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL do UBND các cấp, HĐND cấp huyện, cấp xã ban hành.

2. Trong quá trình kiểm tra văn bản hoặc sau khi gửi thông báo về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan kiểm tra văn bản phối hợp với cơ quan đã ban hành văn bản được kiểm tra và các cơ quan có liên quan trao đổi, thảo luận về những nội dung trái pháp luật, hướng xử lý nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra.

3. Cơ quan có văn bản được kiểm tra có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, giải trình các vấn đề có liên quan cho cơ quan kiểm tra khi được yêu cầu.

**Chương II:  
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục I:  
QUY ĐỊNH VỀ TỰ KIỂM TRA**

**Điều 7. Quy trình tự kiểm tra và xử lý văn bản QPPL**

Trừ trường hợp văn bản QPPL được ban hành trong trường hợp khẩn cấp, đột xuất, việc tự kiểm tra được thực hiện như sau:

1. Đối với Quyết định, Chỉ thị của UBND tỉnh:

a) Sau khi văn bản được ký ban hành, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm gửi ngay cho Giám đốc Sở Tư pháp và thủ trưởng cơ quan chuyên môn đã chủ trì soạn thảo văn bản đó để tiến hành giúp UBND tỉnh tự kiểm tra.

b) Quy trình thực hiện việc tự kiểm tra và xử lý văn bản QPPL:

Việc tự kiểm tra và xử lý văn bản QPPL trong trường hợp này thực hiện như sau:

Sở Tư pháp, cơ quan chuyên môn đã chủ trì soạn thảo văn bản đó phải mở "Sổ văn bản đến" theo dõi việc tiếp nhận văn bản được gửi đến để tự kiểm tra.

Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng cơ quan chuyên môn đã chủ trì soạn thảo văn bản phân công chuyên viên chuyên trách, người làm công tác pháp chế thực hiện kiểm tra văn bản. Người được phân công kiểm tra có trách nhiệm đối chiếu nội dung văn bản kiểm tra với văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật quy định tại Điều 6 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Thông tư 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp để xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp pháp của văn bản kiểm tra.

Người được phân công kiểm tra văn bản phải ký tên và ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra vào góc trên của văn bản đã kiểm tra (để xác nhận việc kiểm tra, thời điểm kiểm tra) và lập báo cáo kèm theo danh mục những văn bản đã được phân công kiểm tra.

Khi phát hiện nội dung của văn bản kiểm tra có dấu hiệu trái pháp luật, người kiểm tra văn bản phải báo cáo kết quả tự kiểm tra và đề xuất xử lý thông qua "Phiếu kiểm tra văn bản" theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Sau khi lập phiếu kiểm tra, người kiểm tra văn bản phải lập "Hồ sơ về văn bản có nội dung trái pháp luật" và trình Giám đốc Sở Tư pháp hoặc thủ trưởng cơ quan. Hồ sơ bao gồm: Văn bản được kiểm tra, văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra, phiếu kiểm tra văn bản và các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng cơ quan chuyên môn đã chủ trì soạn thảo văn bản, thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan trao đổi, thống nhất những nội dung trái pháp luật hoặc không phù hợp và đề xuất các biện pháp xử lý.

Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm lập báo cáo gửi UBND tỉnh về nội dung có dấu hiệu trái pháp luật. Ngoài các nội dung theo quy định, báo cáo còn có các nội dung sau: Tên văn bản; tên và nội dung văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra; ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng cơ quan chuyên môn đã chủ trì soạn thảo văn bản đó và của thủ trưởng các cơ quan có liên quan về nội dung trái pháp luật của văn bản và đề xuất hướng xử lý.

Kết quả tự xử lý văn bản được công bố theo quy định của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

2. Đối với Nghị quyết của HĐND, Quyết định, Chỉ thị của UBND cấp huyện:

Sau khi văn bản được ký ban hành, Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện có trách nhiệm gửi ngay văn bản cho Trưởng Ban Pháp chế (Nghị quyết của HĐND) và Trưởng Phòng Tư pháp (Quyết định, Chỉ thị của UBND) để tiến hành tự kiểm tra theo quy định.

Quy trình tự kiểm tra được thực hiện tương tự quy định điểm b khoản 1 Điều này.

3. Đối với Nghị quyết của HĐND, Quyết định, Chỉ thị của UBND cấp xã:

Ngay sau khi ký ban hành, công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã phải gửi ngay văn bản cho Thường trực HĐND cấp xã, công chức Tư pháp- Hộ tịch để giúp HĐND, UBND cùng cấp tự kiểm tra theo quy định.

Quy trình tự kiểm tra và xử lý văn bản QPPL được thực hiện tương tự quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Trường hợp phát hiện Nghị quyết có dấu hiệu trái pháp luật nhưng HĐND không thể tiến hành phiên họp bất thường, nếu không xử lý sẽ phát sinh hậu quả thì Thường trực HĐND cấp xã có trách nhiệm chuyển hồ sơ về Trưởng Phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền và trình Chủ tịch UBND cấp huyện đình chỉ thi hành. Việc tự xử lý trong trường hợp này được thực hiện tại kỳ họp HĐND gần nhất.

### **Điều 8. Quy trình tự kiểm tra và xử lý văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không ban hành đúng hình thức, thẩm quyền**

1. Khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và của cơ quan thông tin đại chúng về văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 1 Quy chế này: Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng Ban Pháp chế HĐND, Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện, Thường trực HĐND cấp xã, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã giúp Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện việc tự kiểm tra văn bản.

2. Việc tự kiểm tra và xử lý văn bản trong trường hợp này được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

## **Mục II: QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA THEO THẨM QUYỀN**

### **Điều 9. Quy trình kiểm tra, xử lý văn bản QPPL theo thẩm quyền**

Trừ trường hợp văn bản QPPL được ban hành trong trường hợp khẩn cấp, đột xuất, việc kiểm tra được thực hiện như sau:

1. Việc kiểm tra, xử lý văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành:

a) Chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành hoặc thông qua, Văn phòng HĐND và UBND phải gửi văn bản đến Sở Tư pháp để tiến hành kiểm tra. Trong quá trình kiểm tra Giám đốc Sở Tư pháp có quyền đề nghị thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh trong lĩnh vực mà văn bản đó điều chỉnh phối hợp kiểm tra. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh trong lĩnh vực mà văn bản đó điều chỉnh có trách nhiệm kiểm tra và trả lời Sở Tư pháp bằng văn bản đối với những quy định trái pháp luật trong văn bản được kiểm tra thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan mình.

Chậm nhất 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đến, Sở Tư pháp phải hoàn tất việc kiểm tra theo thẩm quyền.

b) Quy trình, thủ tục kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp. Khi phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật, Sở Tư pháp lập hồ sơ, thủ tục xử lý theo đúng quy định.

HĐND, UBND cấp huyện có trách nhiệm tự kiểm tra và xử lý theo thông báo của Sở Tư pháp trong thời hạn quy định. Kết quả tự kiểm tra, xử lý phải được thông báo cho Sở Tư pháp đồng thời công bố theo quy định của Điều 8 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Trường hợp cơ quan kiểm tra không đồng ý với kết quả tự xử lý hoặc cơ quan ban hành văn bản trái pháp luật không xử lý đúng thời hạn thì cơ quan kiểm tra tiếp tục báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để tiếp tục xử lý.

Trường hợp Nghị quyết có dấu hiệu trái pháp luật nhưng HĐND không thể tiến hành phiên họp bất thường, nếu không xử lý sẽ phát sinh hậu quả thì Giám đốc Sở Tư pháp tiến hành lập hồ sơ theo đúng thủ tục và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đình chỉ thi hành. Việc tự xử lý trong trường hợp này được thực hiện tại kỳ họp HĐND gần nhất.

Giám đốc Sở Tư pháp phải chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung thông báo về việc văn bản có dấu hiệu trái pháp luật cũng như hậu quả xảy ra (nếu có) trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chịu trách nhiệm về nội dung được Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị kiểm tra.

2. Việc kiểm tra, xử lý văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành:

Trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành hoặc thông qua, HĐND, UBND cấp xã phải gửi văn bản đến Phòng Tư pháp để tiến hành kiểm tra văn bản theo quy định. Trong quá trình kiểm tra Trưởng Phòng Tư pháp có quyền đề nghị thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực mà văn bản đó điều chỉnh phối hợp kiểm tra. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực mà văn bản đó điều

chính có trách nhiệm kiểm tra và trả lời Phòng Tư pháp bằng văn bản đối với những quy định trái pháp luật trong văn bản được kiểm tra thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan mình.

Chậm nhất 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đến, Phòng Tư pháp phải hoàn tất việc kiểm tra theo thẩm quyền.

Quy trình, thủ tục kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Khi phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật, Phòng Tư pháp có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục để xử lý theo đúng quy định.

Khi nhận được thông báo của Phòng Tư pháp, HĐND, UBND cấp xã phải tự kiểm tra và xử lý trong thời hạn theo quy định. Kết quả tự kiểm tra, xử lý phải được thông báo cho Phòng Tư pháp đồng thời công bố theo quy định của Điều 8 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Trường hợp Phòng Tư pháp không đồng ý với kết quả tự xử lý hoặc HĐND, UBND cấp xã không xử lý đúng thời hạn thì Phòng Tư pháp tiếp tục báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện để tiếp tục xử lý.

Trưởng phòng Tư pháp phải chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung thông báo về việc văn bản có dấu hiệu trái pháp luật cũng như hậu quả xảy ra (nếu có) trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND cấp huyện. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chịu trách nhiệm về nội dung được Trưởng phòng Tư pháp đề nghị kiểm tra.

#### **Điều 10. Việc kiểm tra, xử lý văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không ban hành đúng hình thức, thẩm quyền**

1. Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản tiến hành kiểm tra đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND, văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và của các cơ quan thông tin đại chúng hoặc do cán bộ, công chức cơ quan kiểm tra văn bản tự phát hiện trong quá trình kiểm tra văn bản.

2. Giám đốc Sở Tư pháp tiến hành kiểm tra, xử lý đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do HĐND hoặc UBND cấp huyện ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của HĐND hoặc quyết định, chỉ thị của UBND; các văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch UBND cấp huyện, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ban hành.

Chánh Văn phòng UBND cấp tỉnh giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện kiểm tra, xử lý đối với văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Giám đốc Sở Tư pháp ban hành.

3. Trường phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra, xử lý đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do HĐND hoặc UBND cấp xã ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của HĐND hoặc quyết định, chỉ thị của UBND; các văn bản do Chủ tịch UBND cấp xã hoặc các cá nhân khác ở cấp xã ban hành, có chứa quy phạm pháp luật.

Chánh Văn phòng UBND cấp huyện giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện kiểm tra, xử lý đối với văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Trường phòng Tư pháp ban hành.

4. Quy trình kiểm tra và xử lý văn bản trường hợp này được thực hiện như đối với văn bản QPPL được quy định tại Điều 9 Quy chế này và Điều 26 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

### **Mục III:**

## **QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA THEO CHUYÊN ĐỀ, THEO ĐỊA BÀN HOẶC THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **Điều 11. Quy trình kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực**

1. Việc thành lập đoàn kiểm tra được thực hiện trong trường hợp kiểm tra theo chuyên đề, theo địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực.

2. Giám đốc Sở Tư pháp, Trường phòng Tư pháp (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì kiểm tra) theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập đoàn kiểm tra. Hồ sơ đề nghị gồm:

- a) Tờ trình về việc thành lập đoàn kiểm tra.
- b) Dự thảo Quyết định thành lập đoàn kiểm tra.
- c) Kế hoạch kiểm tra.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra theo chuyên đề, thành phần đoàn phải có cơ quan Tư pháp, cơ quan chuyên môn thuộc UBND quản lý theo ngành, lĩnh vực và có thể mời thêm các cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Thủ tục kiểm tra, trách nhiệm của đoàn kiểm tra và cơ quan có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 10 Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đoàn kiểm tra phải có báo cáo kết quả kiểm tra cho Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và cơ quan được kiểm tra. Trường hợp phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì cơ quan ban hành văn bản có trách nhiệm tự kiểm tra và xử lý theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm theo dõi kết quả tự kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật của cơ quan được kiểm tra theo báo cáo của đoàn kiểm tra. Trường hợp không nhất trí với kết quả tự kiểm tra, xử lý hoặc cơ quan ban hành văn bản trái pháp luật không xử lý đúng thời hạn thì cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện để tiếp tục xử lý.

### **Chương III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện Quy chế này.
2. Phối hợp với thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, HĐND, UBND cấp huyện thực hiện tốt công tác kiểm tra văn bản trên địa bàn tỉnh.
3. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản cho đội ngũ người làm công tác pháp chế, người có thẩm quyền kiểm tra, tự kiểm tra và cộng tác viên kiểm tra văn bản.
4. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và tổng hợp, đánh giá những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, cá nhân có liên quan khi thực hiện Quy chế này và báo cáo, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kịp thời.
5. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình kiểm tra và xử lý văn bản về UBND tỉnh.
6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

#### **Điều 13. Đối với thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh**

1. Chỉ đạo cán bộ, công chức làm công tác pháp chế chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao theo Quy chế này và các quy định có liên quan.
2. Phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý.
3. Báo cáo tình hình kiểm tra, xử lý văn bản theo định kỳ hoặc đột xuất về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác trong kiểm tra, xử lý văn bản khi UBND tỉnh giao.

**Điều 14. Đối với HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Thực hiện việc xử lý văn bản theo quy định của Quy chế này và các quy định có liên quan. Kịp thời giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền kiểm tra trong trường hợp người có thẩm quyền kiểm tra không thống nhất với kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của HĐND, UBND cấp xã.

2. Chỉ đạo Phòng Tư pháp tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản cho công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã. Chỉ đạo Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã thực hiện tốt công tác tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Định kỳ hoặc đột xuất, HĐND, UBND cấp huyện báo cáo tình hình kiểm tra và xử lý văn bản cho Sở Tư pháp; HĐND, UBND cấp xã báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Phòng Tư pháp và UBND cùng cấp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hùng**